

Số: 470/QĐ-DBV

Hà Nội, ngày 05 tháng 06 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

V/v ban hành Quy tắc bảo hiểm Trách nhiệm nghề nghiệp luật sư/công chứng

TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN BẢO HIỂM DBV

- Căn cứ Luật Kinh doanh bảo hiểm số 08/2022/QH15 ngày 16/06/2022 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Giấy phép số 49/GD/KDBH do Bộ Tài chính cấp ngày 23/04/2008 về việc thành lập Công ty cổ phần Bảo hiểm Hàng không và Giấy phép điều chỉnh số 49/GPDC43/KDBH do Bộ Tài chính cấp ngày 06/5/2025 cho phép đổi tên thành Công ty cổ phần Tập đoàn Bảo hiểm DBV;
- Căn cứ Điều lệ hiện hành của Công ty cổ phần Tập đoàn Bảo hiểm DBV;
- Xét đề nghị của Giám đốc Ban Tài sản Kỹ thuật - Hàng hải

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo quyết định này “**Quy tắc bảo hiểm Trách nhiệm nghề nghiệp luật sư/ công chứng**” của Công ty cổ phần Tập đoàn Bảo hiểm DBV.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 15/2019/QĐ-BHHK ngày 09/01/2019.

Điều 3. Các Ông/Bà Phó Tổng Giám đốc, các Ban, Chi nhánh, Đơn vị trực thuộc và các cá nhân, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- TGD (để b/c)
- Lưu VT, Ban TSKT-HH.

TUQ. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC NGHIỆP VỤ



Tào Thị Thanh Hoa

QUY TẮC BẢO HIỂM**TRÁCH NHIỆM NGHỀ NGHIỆP LUẬT SƯ/CÔNG CHỨNG**

(Ban hành theo Quyết định số 4/HĐ/QĐ-DBV ngày 05 tháng 6 năm 2025 của
Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Tập đoàn Bảo hiểm DBV)

Trên cơ sở Giấy yêu cầu của Người được bảo hiểm (sau đây gọi tắt là “NDBH”) và NDBH đã thanh toán phí bảo hiểm theo quy định, Công ty cổ phần Tập đoàn Bảo hiểm DBV (sau đây gọi tắt là “Bảo hiểm DBV” hoặc “DBV”) đồng ý nhận bảo hiểm cho NDBH tuân theo những điều kiện, điều khoản trong Quy tắc Bảo hiểm này.

I. Phạm vi bảo hiểm

Căn cứ vào việc Người được bảo hiểm đã yêu cầu bảo hiểm bằng văn bản, đã thanh toán phí bảo hiểm; Căn cứ vào nội dung kê khai trong Giấy yêu cầu bảo hiểm hoặc các thông tin dưới dạng văn bản khác là bộ phận hợp thành của Giấy yêu cầu bảo hiểm; Căn cứ vào các quy định của Quy tắc này và Hợp đồng bảo hiểm, DBV đồng ý bảo hiểm cho Người được bảo hiểm như sau:

1. DBV bồi thường cho Người được bảo hiểm trong hạn mức trách nhiệm bồi thường được nêu trong Hợp đồng bảo hiểm đối với các khiếu kiện được thực hiện một cách hợp pháp nhằm chống lại Người được bảo hiểm do việc Người được bảo hiểm vi phạm hoặc được cho là đã vi phạm nghĩa vụ nghề nghiệp theo phạm vi nghề nghiệp quy định trong Hợp đồng bảo hiểm do hành vi bất cẩn, lỗi bất cẩn hoặc thiếu sót do bất cẩn được thực hiện sau ngày có hiệu lực của Hợp đồng bảo hiểm này.
2. DBV cũng bồi thường cho Người được bảo hiểm các chi phí phát sinh để bào chữa hoặc giải quyết yêu cầu bồi thường từ bên thứ ba với điều kiện Người được bảo hiểm phải có sự đồng ý bằng văn bản của DBV và các khoản chi phí này không làm tăng hạn mức trách nhiệm bồi thường của Hợp đồng bảo hiểm. Tuy nhiên, trường hợp Người được bảo hiểm phải trả một số tiền vượt quá mức trách nhiệm bồi thường được quy định trong Hợp đồng bảo hiểm này để giải quyết yêu cầu bồi thường của bên thứ ba thì trách nhiệm của DBV đối với các khoản chi phí, phí tổn đó sẽ được phân bổ theo tỷ lệ giữa hạn mức trách nhiệm bồi thường theo Hợp đồng bảo hiểm này và tổng số tiền Người được bảo hiểm phải chi để giải quyết yêu cầu thường từ bên thứ ba.

II. Người được bảo hiểm

Người được bảo hiểm theo Quy tắc bảo hiểm này bao gồm:

1. Người hoặc tổ chức có tên được nêu trong Hợp đồng bảo hiểm;
2. Bất kỳ một người nào gia nhập vào tổ chức được bảo hiểm trong Thời hạn bảo hiểm với tư cách là Luật sư/Công chứng viên có đủ năng lực hành nghề theo quy định của pháp luật. Trong trường hợp này, hợp đồng này chỉ bảo hiểm cho trách nhiệm pháp lý của người đó phát sinh từ hoạt động của người này kể từ thời điểm gia nhập tổ chức của Người được bảo hiểm;
3. Bất kỳ người nào được người được bảo hiểm thuê trong thời hạn bảo hiểm để

thực hiện hoặc đại diện Người được bảo hiểm thực hiện các hoạt động dịch vụ nghề nghiệp với tư cách là Luật sư/Công chứng viên, miễn là các hoạt động này cấu thành một phần thu nhập của Người được bảo hiểm;

III. Hạn mức trách nhiệm bồi thường

1. Trách nhiệm của DBV đối với tất cả các khoản bồi thường cho Người được bảo hiểm đối với một vụ khiếu nại sẽ không vượt quá hạn mức trách nhiệm bồi thường được quy định trong Hợp đồng bảo hiểm.
2. Các vụ khiếu kiện phát sinh từ một hành vi, lỗi hoặc quên sót sẽ được xem như là một vụ khiếu nại và dẫn đến một yêu cầu bồi thường bất kể các vụ khiếu kiện đó được Người được bảo hiểm thông báo cho DBV vào những thời điểm khác nhau trong Thời hạn bảo hiểm.
3. Nếu các vụ khiếu kiện đó được Người được bảo hiểm thông báo cho DBV vào những thời điểm khác nhau trong Thời hạn bảo hiểm, chúng sẽ được xem xét căn cứ theo Hợp Đồng Bảo Hiểm mà khiếu kiện đầu tiên được Người được bảo hiểm thông báo cho DBV.

IV. Mức miễn thường

1. Mức miễn thường theo Quy tắc bảo hiểm này là mức miễn thường có khấu trừ, tức là số tiền bồi thường đầu tiên mà Người được bảo hiểm phải tự gánh chịu đối với mỗi và mọi yêu cầu bồi thường.
2. Mức miễn thường này cũng áp dụng cho các chi phí pháp lý hoặc các chi phí phát sinh khác có liên quan trong trường hợp Người được bảo hiểm sử dụng để bào chữa trong các vụ khiếu kiện và không dẫn đến việc bồi thường cho bên thứ ba.
3. Mức miễn thường của Hợp đồng bảo hiểm này được nêu trong Hợp đồng bảo hiểm.

V. Các điểm loại trừ

DBV sẽ không bồi thường cho Người được bảo hiểm đối với các yêu cầu bồi thường phát sinh từ:

1. Hành động vu khống hoặc phỉ báng;
2. Mất hồ sơ tài liệu chứa đựng bất kỳ nội dung gì bao gồm tài liệu viết tay, in ấn hoặc sao chép bằng bất kỳ phương tiện nào, hoặc thông tin điện tử hoặc được lưu trữ trong máy vi tính, dù tài liệu đó bị đánh mất, thất lạc hoặc bị tiêu hủy trong khi được giao phó, hoặc thuộc quyền quản lý, kiểm soát, bảo quản của Người được bảo hiểm;
3. Hành động hoặc quên sót do ác ý, thuộc cấu thành tội phạm hình sự, gian lận hoặc không trung thực của Người được bảo hiểm hoặc người được Người được bảo hiểm thuê;
4. Thương tật thân thể, chết, mất mát hoặc hư hại tài sản;
5. Vi phạm các quy định về sử dụng lao động của Người được bảo hiểm;
6. Thực hiện dịch vụ nghề nghiệp không thuộc chuyên môn của một [Luật sư/Công chứng viên] hoặc trái với quy định của pháp luật;
7. Hiểu sai, ứng dụng sai hoặc không tuân thủ các quy định pháp luật nước ngoài;

8. Người được bảo hiểm không mua bảo hiểm hoặc duy trì bảo hiểm một cách thỏa đáng hoặc không ký kết các cam kết được yêu cầu;
9. Cung cấp tài chính, tư vấn các vấn đề tài chính hoặc cung cấp tư vấn sai về các vấn đề liên quan đến các loại thuế;
10. Sai phạm hoặc vi phạm liên quan đến việc quản lý sổ sách kế toán hoặc chuyển giao tài chính hoặc hành vi tham ô của nhân viên của Người được bảo hiểm;
11. Yêu cầu bồi thường phát sinh từ hoạt động của Người được bảo hiểm với tư cách là người đứng đầu hoặc thành viên hoặc chuyên viên pháp chế của Hội đồng Quản trị hoặc Ban Kiểm soát của Công ty tư nhân, Công ty đại chúng, Câu lạc bộ hoặc Hiệp hội;
12. Người được bảo hiểm mất khả năng thanh toán hoặc bị phá sản;
13. Người được bảo hiểm đã được các Hợp đồng bảo hiểm khác bồi thường;
14. Các khiếu kiện phát sinh do Người được bảo hiểm không mua hoặc duy trì bảo hiểm phù hợp khi hành động với tư cách là người được thừa ủy nhiệm, được giao phó quản lý tài sản, hoặc là người tiếp nhận hoặc mua lại tài sản;
15. Các khiếu kiện phát sinh từ các cam kết nghề nghiệp thông thường khác với Nghĩa vụ nghề nghiệp theo phạm vi nghề nghiệp quy định trong Hợp đồng bảo hiểm.
16. Các yêu cầu bồi thường phát sinh từ mất mát, thiệt hại, biến dạng hoặc tẩy xóa hệ thống lưu trữ dữ liệu máy tính.
17. Trách nhiệm pháp lý được trực tiếp hoặc gián tiếp gây ra bởi, hoặc đóng góp vào việc tạo nên, hoặc phát sinh từ việc hư hỏng máy vi tính, các máy móc thiết bị khác dùng để xử lý, tồn trữ, truy cập dữ liệu, dù thuộc hoặc không thuộc tài sản của Người được bảo hiểm;
18. Tồn thất tài chính trực tiếp, gián tiếp hoặc được xem là gây ra bởi hoặc được quy cho, hoặc phát sinh từ việc ô nhiễm không khí, nguồn nước hoặc đất;
19. Thiệt hại trực tiếp và gián tiếp do bị phạt, phạt làm gương, cảnh cáo hoặc các loại hình phạt khác;
20. Tồn thất hoặc trách nhiệm liên quan đến một hoạt động kinh doanh mà Người được bảo hiểm thực hiện hoặc quản lý, trừ trường hợp khiếu kiện chống lại Người được bảo hiểm do lỗi bất cẩn với tư cách là đại diện tiếp nhận hoặc mua lại tài sản;
21. Có liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp đến chiến tranh, xâm lược, khủng bố, hành động thù địch, nội chiến, bạo động, nổi loạn, cách mạng, đảo chính, khởi nghĩa, tịch thu, trưng thu, quốc hữu hóa, phá hủy tài sản theo lệnh của chính phủ hoặc cơ quan có thẩm quyền;
22. Trách nhiệm của Người được bảo hiểm theo hợp đồng hoặc thỏa thuận khác kể cả các đoạn kết được minh thị hoặc ngụ ý, trừ khi trách nhiệm này được xem là mặc nhiên theo quy định pháp luật dù có hay không có các hợp đồng hoặc thỏa thuận đó;
23. Các khiếu nại bồi thường giữa những Người được bảo hiểm, từ một tổ chức mà Người được bảo hiểm làm cố vấn, từ nhân viên hoặc thành viên gia đình của Người được bảo hiểm.

24. Các khiếu nại liên quan đến vi phạm hoặc được cho là vi phạm bất kỳ chứng nhận nhãn mác, bản quyền, bằng sáng chế hoặc thương hiệu, bí mật kinh doanh, tên thương mại, trang phục thương mại, sự lạm tiêu ý tưởng hoặc các tài sản trí tuệ khác của Người được bảo hiểm.

VI. Các điều kiện chung

1. Giấy yêu cầu bảo hiểm, Hợp đồng bảo hiểm, các sửa đổi bổ sung (nếu có), Quy tắc này và các tài liệu khác (nếu có) là một phần không thể tách rời của Hợp đồng bảo hiểm; bất kỳ từ ngữ hoặc cụm từ ngữ nào được quy định về mặt ý nghĩa trong một phần nào đó của Quy tắc bảo hiểm hoặc Hợp đồng bảo hiểm sẽ giữ nguyên ý nghĩa đó trong tất cả các phần còn lại của Hợp đồng bảo hiểm.
2. Hợp đồng bảo hiểm này chỉ bồi thường cho Người được bảo hiểm căn cứ theo các bản án, quyết định của tòa án có thẩm quyền hoặc các khoản bồi thường thương lượng, kể các các khoản chi phí, trên cơ sở luật pháp Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam.
3. Người được bảo hiểm phải lập tức thông báo bằng văn bản cho DBV càng sớm càng tốt sau khi nhận biết một tình huống có khả năng dẫn đến khiếu nại đòi bồi thường theo Hợp đồng bảo hiểm này bất kể tính hợp pháp của yêu cầu bồi thường đó, hoặc khi nhận được thông tin phát sinh khiếu kiện thuộc trách nhiệm của DBV. Bất kỳ yêu cầu bồi thường nào phát sinh trong những tình huống như vậy sẽ được DBV xem là đã được thực hiện vào ngày DBV nhận được thông báo đó. DBV sẽ không chấp nhận các thông báo được gửi cho DBV sau 30 ngày kể từ ngày kết thúc Thời hạn bảo hiểm nêu trên Hợp đồng bảo hiểm, trừ khi có quy định khác.
4. Các thư từ, khiếu kiện từ bên thứ ba hoặc trát triệu tập của Tòa án phải được lập tức chuyển cho DBV ngay sau khi Người được bảo hiểm nhận được. Người được bảo hiểm và đại diện của Người được bảo hiểm không được chấp nhận, đề nghị, hứa hẹn, chi trả hoặc bồi thường mà không có sự đồng ý bằng văn bản của DBV. DBV có quyền tiếp nhận, thực hiện và đại diện Người được bảo hiểm trong việc bảo chữa hoặc giải quyết khiếu kiện hoặc khởi kiện vụ việc vì quyền lợi liên quan của DBV và có toàn quyền lựa chọn giải pháp bồi thường hoặc đưa vụ việc ra Tòa án có thẩm quyền. Người được bảo hiểm phải cung cấp cho DBV mọi sự hỗ trợ hợp lý cần thiết nếu DBV yêu cầu.
5. DBV sẽ không giải quyết bồi thường khi không được sự đồng thuận của Người được bảo hiểm. Tuy nhiên, nếu Người được bảo hiểm không đồng ý với việc giải quyết bồi thường của DBV và quyết định tiến hành các thủ tục pháp lý thì trách nhiệm của DBV sẽ không vượt quá các khoản tiền mà đáng ra có thể đã được dùng để giải quyết khiếu nại bồi thường, cộng với các khoản chi phí và phí tổn đã chi ra cho đến ngày Người được bảo hiểm không đồng thuận với việc giải quyết bồi thường đó.
6. Nếu trong Hợp đồng bảo hiểm có quy định “ngày hồi tố” thì Hợp đồng bảo hiểm này sẽ không áp dụng đối với các các khiếu nại đòi bồi thường chống lại Người được bảo hiểm do hành vi bất cẩn, sai sót mà Người được bảo hiểm đã vi phạm hoặc được cho là đã vi phạm trước “ngày hồi tố đó”.
7. Người được bảo hiểm phải đảm bảo lưu giữ hồ sơ ghi nhận chính xác tất cả các hoạt động nghề nghiệp, hồ sơ có liên quan đến khiếu nại đòi bồi thường để DBV hoặc đại diện được ủy quyền của DBV kiểm tra và sử dụng bất kỳ lúc nào. Người

được bảo hiểm cũng được yêu cầu cung cấp cho DBV hoặc đại diện được ủy quyền của DBV mọi thông tin, sự trợ giúp và các văn bản mà DBV yêu cầu và hỗ trợ DBV trong việc bào chữa khiếu nại bồi thường bằng chi phí của Người được bảo hiểm.

8. Trường hợp phát sinh tranh chấp giữa Người được bảo hiểm và DBV, Hợp đồng bảo hiểm này sẽ được phân xử theo luật pháp và hệ thống tòa án của Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam.
9. Sau khi giải quyết khiếu nại bồi thường theo quy định của Hợp đồng bảo hiểm này mà có các bên khác có lỗi thì DBV được thế quyền từ Người được bảo hiểm để thu hồi các khoản bồi thường từ các bên khác có liên quan đó. Tuy nhiên DBV từ bỏ việc đòi lại từ nhân viên của Người được bảo hiểm.
10. Nếu Người được bảo hiểm đưa ra khiếu nại bồi thường gian dối hoặc sai sự thật thì bất kể mức độ yêu cầu bồi thường như thế nào, Hợp đồng bảo hiểm này sẽ mất hiệu lực và tất cả các khiếu nại bồi thường sẽ không được đáp ứng.
11. Hợp đồng bảo hiểm này sẽ chỉ bồi thường cho các thiệt hại nếu những thiệt hại này không được bồi thường bởi bất kỳ Hợp đồng bảo hiểm nào khác.
12. Người được bảo hiểm có thể chấm dứt Hợp đồng bảo hiểm trước thời hạn vào bất kỳ lúc nào sau khi có văn bản thông báo chấm dứt hợp đồng bảo hiểm cho DBV.

DBV cũng có thể hủy bỏ Hợp đồng bảo hiểm này bằng thư bảo đảm gửi đến địa chỉ liên lạc của Người được bảo hiểm ghi trong Hợp đồng bảo hiểm, trong thư DBV thông báo rõ thời điểm việc hủy bỏ sẽ có hiệu lực nhưng không được ít hơn 30 ngày kể từ ngày gửi thư thông báo đó. Bằng chứng bưu điện về việc gửi thư thông báo nói trên được xem là hội đủ điều kiện để Hợp đồng bảo hiểm chấm dứt hiệu lực vào ngày, giờ ghi trong thông báo. Việc trực tiếp gửi thông báo hủy bỏ hợp đồng mà không qua bưu điện bởi một trong hai bên có xác nhận của bên nhận cũng có giá trị pháp lý như gửi bằng đường bưu điện.

Nếu Người được bảo hiểm hủy bỏ Hợp đồng trước hạn và không có khiếu nại nào được đưa ra và được DBV bồi thường trước khi chấm dứt hợp đồng, DBV sẽ hoàn trả một phần phí bảo hiểm còn lại tương ứng 80% phí bảo hiểm của thời gian còn lại của hợp đồng. Nếu đã có khiếu nại hoặc sự kiện bảo hiểm phát sinh theo hợp đồng này, phí bảo hiểm sẽ không được hoàn trả và hoàn toàn thuộc về DBV vào thời điểm chấm dứt hợp đồng.

Nếu DBV hủy bỏ hợp đồng này vì bất kỳ lý do gì, trừ lý do Người được bảo hiểm không trả đủ phí bảo hiểm hoặc vi phạm Hợp đồng bảo hiểm, DBV phải hoàn trả phí bảo hiểm còn lại theo tỷ lệ thời gian.

13. Hợp đồng bảo hiểm này cũng sẽ hết hiệu lực nếu được chuyển nhượng cho bên khác mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của DBV. Tuy nhiên, nếu Người được bảo hiểm chết hoặc được cho là không còn đủ năng lực hành vi dân sự, mất năng lực hành vi dân sự thì hợp đồng này sẽ bảo hiểm cho người đại diện hợp pháp của Người được bảo hiểm đối với các trách nhiệm phát sinh trước đây đáp ứng các tiêu chuẩn bảo hiểm của hợp đồng này.